

Số: /BC-STTTT

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính quý I, phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2021.**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Công tác triển khai tổ chức thực hiện cải cách hành chính**

- Đơn vị thường xuyên quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính tại đơn vị. Trong các cuộc họp lãnh đạo đơn vị đã tổ chức quán triệt tới tất cả cán bộ, công chức các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến thủ tục hành chính như: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2010 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021. Kế hoạch 15/KH-UBND ngày 26/1/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 3/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 8/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021 .

- Đơn vị đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 4 /1/2021 về ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch 05/KH-STTTT ngày 11/3/2021 về việc tuyên truyền cải cách hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông năm 2021; Quyết định số 20/QĐ-STTTT ngày 8/2/2020 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch 09/KH-STTTT ngày 24/2/2021 về việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan; nghiêm túc triển khai tốt các nội dung theo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 43 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông. Quyết định 295/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố 4 danh mục thủ tục hành chính

sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông. Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố Danh mục 9 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xuất bản, in và phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang; Quyết định 804/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục 8 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành; lĩnh vực Bru chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang;

Quyết định 1083/QĐ-UBND ngày 7/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020

- Bộ thủ tục hành chính hiện đang sử dụng gồm 44 bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thuộc các lĩnh vực: Báo chí; Xuất bản, in và phát hành; Bru chính; Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

- Triển khai xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001-2015 nhằm đảm bảo các Thủ tục hành chính được xử lý theo đúng các yêu cầu văn bản pháp quy liên quan.

- Tổ chức niêm yết, cập nhật kịp thời các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và hình thức điện tử.

- Hình thức điện tử gồm các trang như sau:

+ Trang thông tin điện tử của đơn vị địa chỉ <http://stttttuyenquang.gov.vn>

+ Cổng thông tin điện tử của tỉnh <http://tuyenquang.gov.vn>;

+ Dịch vụ công của tỉnh địa chỉ <https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>;

+ Dịch vụ công quốc giá <https://dichvucong.gov.vn/>

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Về cải cách thể chế**

#### ***1.1 Về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật***

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn phối hợp với các phòng ban liên quan, các đơn vị liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản Quy phạm pháp luật trong quý I/2021, như sau:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Báo chí thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Dự án Ứng dụng Công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang; Triển khai thực hiện các bước tiếp theo về thuê dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và phần mềm một cửa

điện tử tại các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang; Tham mưu, đề xuất xây dựng trực liên thông văn bản nội bộ tỉnh;

### ***1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật***

- Kết quả rà soát: Trong quý I, Sở Thông tin và Truyền thông không có văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### ***1.3. Về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật***

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định 40/2010/NĐ-CP về kiểm tra văn bản QPPL, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành theo chuyên đề về cải cách hành chính.

- Tổ chức niêm yết, cập nhật kịp thời các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Trụ sở làm việc và tại Trang thông tin điện tử của đơn vị, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát văn bản Quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý, trong năm 2021 đơn vị rà soát văn bản quy phạm pháp luật không có nội dung không phù hợp.

## **2. Về cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

### ***2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính***

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành một số văn bản để chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính (gồm: Kế hoạch số 36/KH-STTTT ngày 29/10/2018 triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 4 /1/2021 về ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch 05/KH-STTTT ngày 11/3/2021 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 20/QĐ-STTTT ngày 8/2/2020 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch 09/KH-STTTT ngày 24/2/2021 về việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông).

- Đơn vị đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Báo chí thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

- Bộ thủ tục hành chính hiện đang sử dụng gồm 44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thuộc các lĩnh vực: Báo chí; Xuất bản, in và phát hành; Bru chính; Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

- Đơn vị đã công khai, niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính theo đúng hướng dẫn tại thông tư 05/2015/TT-BTP tại Bảng thông báo thủ tục hành chính của đơn vị và tại trang dịch vụ công của tỉnh <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>

Trang thông tin điện tử của đơn vị với địa chỉ <http://stttttuyenquang.gov.vn/> ,

Cổng thông tin điện tử của tỉnh <http://tuyenquang.gov.vn>

Cổng dịch vụ công quốc gia <http://www.dichvucong.gov.vn>

- Thực hiện rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị đã thực hiện tốt việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại Kế hoạch hành động số 41/KH-UBND ngày 28/5/2016 của UBND tỉnh

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật: Trong quý I đơn vị không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị của các tổ chức và cá nhân.

Giải quyết thủ tục hành chính : Thực hiện nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong quý I đã tiếp nhận hồ sơ 25 hồ sơ, thẩm định và trình ban giám đốc 23 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; Cấp giấy phép xuất bản bản tin ( địa phương); 01 Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

Thực hiện 4 tại chỗ (*tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả*) Trong quý I đơn vị đã thực hiện 08 hồ sơ; 03 hồ sơ nhận và trả kết quả qua bưu chính công ích (*Số liệu thống kê từ 16/12/2020 đến 10/3/2021*). Các thủ tục hành chính đã được thực hiện đúng thời gian và các quy định hiện hành về thủ tục hành chính.

STT	Tên hồ sơ tiếp nhận	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Tổng số hồ sơ	Trước hạn	Đúng hạn	
<b>I</b>	<b>QUÍ I</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>25</b>		8 Hồ sơ 4 tại chỗ
1	Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	23	23	23		07 Hồ sơ thực hiện 4 tại chỗ
2	Giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)	1	1	1		01 Thực hiện 4 tại chỗ
3	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	1	1	1		

Về bố trí cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính: Đã bố trí đồng chí Giám đốc Sở và Chánh văn phòng là cán bộ đầu mối trong công tác cải cách hành chính của đơn vị.

## 2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, Một cửa liên thông.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 116/QĐ-STTTT ngày 18/10/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về Thành lập bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa Một cửa liên thông của Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

- Đơn vị đã cử đồng chí Chánh Văn phòng là cán bộ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính theo quyết định số 21/QĐ-STTTT ngày 26/2/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang về việc Phân công cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông

- Trang thiết bị, cơ sở vật chất của bộ phận một cửa được đầu tư mua sắm đầy đủ đạt tiêu chuẩn.

- Phối hợp Sở Tư Pháp tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của các tổ chức cá nhân trong việc phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính, về cải cách hành chính thuộc đơn vị quản lý.

- Về niêm yết, công khai, sổ sách theo dõi tại bộ phận một cửa: Theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Về mô hình một cửa hiện đại: Đơn vị đã và đang thực hiện mô hình một cửa hiện đại.

### **3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-STTTT ngày 24/7/2018 thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 30/KH-STTTT ngày 29/8/2018 thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tại cơ quan, đơn vị; thực hiện phân cấp quản lý nhà nước: Sở đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu số lượng lãnh đạo, thực hiện sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

#### *\* Cơ quan hành chính Sở Thông tin và Truyền thông*

- Sở Thông tin và Truyền thông đã hoàn thiện đề án sắp xếp tổ chức bộ máy gửi Sở Nội vụ thẩm định. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trên cơ sở biên chế được giao và tinh giản biên chế đến năm 2021, dự kiến của đề án sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy còn 04 phòng chuyên môn, cụ thể:

+ Văn phòng Sở (giữ nguyên)

+ Thanh tra Sở. (giữ nguyên)

+ Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản (giữ nguyên)

+ sáp nhập phòng Kế hoạch – Tài chính vào Văn phòng sở.

+ Sáp nhập 02 phòng gồm: Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Bưu chính, viễn thông thành 01 phòng với tên gọi mới là Phòng quản lý công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông.

- *Dự kiến số lượng cấp Trưởng, cấp Phó của Sở Thông tin và Truyền thông sau khi sắp xếp lại:*

+ Giám đốc Sở: 01 người

+ Phó Giám đốc Sở: 01 người.

+ Trưởng phòng: 04 người (giảm 02 người)

+ Phó Trưởng phòng: 04 người (tăng 03 người)

- *Về biên chế các phòng sau sáp nhập*

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức hành chính trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Tuyên Quang năm 2020; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao bổ sung biên chế công chức cho Sở Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về bổ sung tinh giản biên chế công chức hành chính giai đoạn 2019-2021;

Số lượng biên chế công chức hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông được đến năm 2021 là 22 công chức hành chính, 02 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Số lượng biên chế của các phòng được bố trí như sau:

- Văn phòng: 05 người và 02 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Thanh tra: 05 người.

- Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 05 người.

- Phòng quản lý Công nghệ thông tin và Bưu chính, viễn thông: 05 người

\* *Đơn vị trực thuộc*

Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện xong việc việc kiện toàn sắp xếp tổ chức Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở quản lý.

Quyết định 27/QĐ-UBND ngày 14/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp lại tổ chức của Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

- *Sắp xếp tổ chức lại bộ máy còn 02 phòng cụ thể:*

+ Phòng Kỹ thuật – Tổng hợp

+ Phòng Thông tin điện tử

Quyết định 88/QĐ-STTTT ngày 24/7/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

Đơn vị đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

Quyết định số 03/QĐ-STTTT ngày 6/1/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc Giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

Quyết định số 04/QĐ-STTTT Sở Thông tin và Truyền thông về việc Giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong cơ quan Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

#### **4. Xây dựng vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định số 504/QĐ-STTTT ngày 31/12/2017 về việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 phê duyệt danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu, số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định số 56/QĐ-STTTT ngày 24/4/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc Phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm của Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang;

- Đơn vị tiếp tục tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên tổng hợp báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển dụng công chức đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan, lấy người tài đúng tiêu chuẩn đề ra.

- Quản lý sử dụng có hiệu quả biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chỉnh biên chế đối với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở hợp lý; việc bố trí phân công sử dụng công chức đều dựa trên cơ sở yêu cầu công việc; bố trí đúng tiêu chuẩn chức danh, xây dựng cơ cấu công chức phù hợp; thường xuyên cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác được giao.

\* Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức

*a. Tuyển dụng tiếp nhận công chức:*

Chỉ tiêu tuyển dụng, tiếp nhận công chức: 01 chỉ tiêu

Kết quả tuyển dụng: 01 chỉ tiêu.

*b. Tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:*

Chỉ tiêu tuyển dụng, tiếp nhận viên chức: 03 chỉ tiêu

Kết quả tiếp nhận: 0.

\* Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong quý I đơn vị đã cử các đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng như sau:

- Chuyên viên chính: 0 người
- Chuyên viên : 0 người
- Quản lý cấp phòng: 0 người
- Trung cấp Lý luận chính trị: 01 người
- Cao cấp lý luận: 0 người

## **5. Về cải cách tài chính công**

### ***5.1. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập***

#### ***Đối với cơ quan hành chính***

Sử dụng hiệu quả trong việc phân bổ ngân sách và các nguồn lực sẵn có của đơn vị trong hoạt động của đơn vị; Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ đã đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế và kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch UBND tỉnh giao hàng năm.

Đề quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm kinh phí và tài sản đơn vị đã ban hành:

Quyết định số 19/QĐ-STTTT ngày 18/2/2020 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Thông tin và truyền thông.

Quyết định số 15/QĐ-STTTT ngày 30/1/2019 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

#### ***Đơn vị sự nghiệp***

Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng được đăng ký tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang.

Sử dụng hiệu quả trong việc phân bổ ngân sách và các nguồn lực sẵn có của đơn vị trong hoạt động của đơn vị; Thường xuyên đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cùng với việc đa dạng hóa nguồn nhân lực sẵn có của đơn vị sự nghiệp nhằm tăng cường sự tự chủ trong hoạt động của đơn vị theo đúng tinh thần nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách



nhiệm về tổ chức, biên chế và kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch UBND tỉnh giao hàng năm.

Để quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm kinh phí và tài sản Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đã ban hành

Quyết định số 43/QĐ-TTCNTTTT ngày 31/12/2019 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

Quyết định số 45/QĐ-TTCNTTTT ngày 29/12/2018 về việc ban hành quy chế quản lý tài sản của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

**5.2. Thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo nghị định số 08/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Đơn vị đã thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa là 400.000đ/tháng; hỗ trợ cho cán bộ, công chức đầu mối thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính 200.000đ/ tháng

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

### **6.1. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC**

100% các phòng chuyên môn của văn phòng sở và Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ công việc.

100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính được kết nối mạng internet.

Bố trí 01 bộ máy tính không có kết nối mạng để soạn thảo các văn bản mật.

Sở Thông tin và Truyền thông đã được UBND tỉnh trang bị 01 hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến và là đơn vị quản lý Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh, luôn đảm bảo 28 điểm cầu được kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, phục vụ các cuộc họp, chỉ đạo điều hành của tỉnh.

Sở đã triển khai sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (do UBND tỉnh triển khai từ cấp tỉnh tới cấp xã) để trao đổi, xử lý văn bản điện tử từ ngày 01/3/2017. Có 40 tài khoản đã được tạo lập, cấp cho cán bộ, công chức, viên chức của Sở thường xuyên sử dụng phần mềm.

Sở đã được cấp 03 Chứng thư số tập thể và 06 Chứng thư số cá nhân. Đơn vị thường xuyên sử dụng chữ ký số tập thể và cá nhân để ký số trên phần mềm Quản lý văn bản.

Về tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: Hiện nay Sở Thông tin và Truyền thông sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử (thuộc Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang):

Theo thống kê trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>, hiện nay Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai cung cấp: 44 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Thực hiện nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: số lượng hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ công mức độ 3,4 là 25 hồ sơ *Số liệu thống kê từ 16/12/2020 đến 15/3/2021*). Các thủ tục hành chính đã được thực hiện đúng thời gian và các quy định hiện hành về thủ tục hành chính.

Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích số hồ sơ đã tiếp nhận là 0, số hồ sơ đã trả kết quả là 3 hồ sơ.

Hơn 40 tài khoản hòm thư điện tử công vụ của tỉnh (@[tuyenquang.gov.vn](mailto:tuyenquang.gov.vn)) đã được cấp cho tập thể, cán bộ, công chức của đơn vị. Đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ phục vụ công việc.

Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ <http://sttt.tuyenquang.gov.vn/> đã thường xuyên cập nhật các tin, bài viết, các hoạt động liên quan tới lĩnh vực của ngành. Đáp ứng theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

Ngoài ra, đơn vị còn ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước qua việc sử dụng các phần mềm, như: Phần mềm kế toán; Phần mềm Quản lý tài sản;...

Đơn vị đã triển khai, thực hiện đầy đủ và đúng quy định các văn bản chỉ đạo về ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông và của UBND tỉnh. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh triển khai nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về lĩnh vực CNTT, như:

Kết quả thực hiện Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020; Quyết định 1083/QĐ-UBND ngày 7/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện tích hợp cung cấp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2020. Đơn vị đã triển khai tích hợp được 39 dịch vụ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

## ***6.2. Tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan, đơn vị***

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành triển khai kế hoạch số 41/KH-STTTT ngày 26/12/2018 về việc chuyển đổi xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

+ Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định 162/QĐ-STTTT ngày 16/12/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015; Quyết định 167/QĐ-STTTT ngày 28/12/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc

công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015.

+ Sở đã xây dựng báo cáo số 309/BC-STTTT ngày 24/12/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo đánh giá tổng hợp hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015

- Việc cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC và văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

+ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 9 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xuất bản, In và phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và truyền thông;

+ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 công bố Danh mục 8 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và phát hành; Lĩnh vực Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÍ II**

1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các Nghị định, chỉ thị về cải cách thủ tục hành chính của cấp trên tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức đơn vị.

2. Thường xuyên nâng cấp hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>,

3. Tổ chức công khai, công bố, niêm yết Bộ thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của đơn vị. Thực hiện nghiêm việc rà soát, sửa đổi, cập nhật thường xuyên, kịp thời những TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ.

4. Tăng cường hiện đại hóa Công nghệ thông tin trong cải cách hành chính.

5. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cán bộ đầu mối thực hiện. Thường xuyên kiện toàn bộ phận thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của đơn vị đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

Sở Thông tin và Truyền thông trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Sở Nội vụ; (tổng hợp)
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VP, P.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Hiến**



**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày / 3/ 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC		1	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	9	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	Một số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	7	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	6	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	44	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	42	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	2	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	0	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.2.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	44	
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.4.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	42	
3.4.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	42	
3.4.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	0	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số tổ chức đầu mối trực thuộc (phòng, ban và tương đương)	Cơ quan, đơn vị	7	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cơ quan, đơn vị là cơ quan Thường trực đối với các tổ chức do tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.4.	Số tổ chức liên ngành do UBND cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	1	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	24	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		12	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	16	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	12	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Việc phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	1	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		1	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0	
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		Đang triển khai thực hiện
7.2.	Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3.	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Chưa cấp = 0 Đã cấp = 1	1	
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1	1	
	UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		
	UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		
7.5.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	95%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Sở, ban, ngành kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1	1	
7.6.2.	UBND cấp huyện kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		
7.6.3.	UBND cấp xã kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.7.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.7.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	
7.7.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	39	
7.7.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100%	
7.7.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100%	